TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2026
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị Sâm và bà Phạm Thị Nhàn.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Nhất L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2026/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2026 giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Xuân Me, xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Tiến D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Xuân Me, xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, N đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Tiến D có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Me, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (cũ) vào ngày 20/6/2013, nay là xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn, chị H và anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, về kinh tế, về cách nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh D sống thiếu trách nhiệm, không lăm lo cho gia đình, một mình chị H phải gánh vác phần lớn trách nhiệm. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Chị H và anh D có 02 con chung tên: Trần Gia L, sinh ngày 13/12/2013 và Trần Phúc N, sinh ngày 23/12/2020. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Trần Tiến D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tiến D và chị Trần Thị H có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Me, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (cũ) vào ngày 20/6/2013, nay là xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn, anh D và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân một thời gian, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh D nhất trí.

Anh D và chị H có 02 con chung tên: Trần Gia L, sinh ngày 13/12/2013 và Trần Phúc N, sinh ngày 23/12/2020. Anh D đề nghị Tòa án giao cháu L và cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Tiến D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: N đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trần Tiến D là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì giữa chị H và anh D phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và anh D cũng nhất trí ly hôn với chị H. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia L và Trần Phúc N cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi. Anh D cũng nhất trí giao cháu L và cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Trần Gia L và Trần Phúc N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Trần Thị H là N đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Trần Tiến D có địa chỉ tại: Thôn Xuân Me, xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H và anh Trần Tiến D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt N đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Tiến D trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Boòng, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với anh D, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh D. Anh D cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau và nhất trí ly hôn với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Tiến D có 02 con chung tên: Trần Gia L, sinh ngày 13/12/2013 và Trần Phúc N, sinh ngày 23/12/2020.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia L và Trần Phúc N. Xét thấy chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu L và cháu N, từ khi chị H và anh D sống ly thân đến nay, một mình chị H vẫn chăm sóc tốt cho cháu L và cháu N, anh D cũng nhất trí giao cháu L và cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu L có nguyện vọng được sống cùng chị H. Do đó, cần giao cháu L và cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh D cũng có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Tiến D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H là N đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Tiến D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia L, sinh ngày 13/12/2013 và Trần Phúc N, sinh ngày 23/12/2020 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002375, ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ án phí.

N đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Boòng;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA